



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015



**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**  
**Thông tin Công ty**

**Giấy chứng nhận  
đăng ký kinh doanh**

Số 4103005793

ngày 26 tháng 12 năm 2006

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy phép thành lập  
và hoạt động  
công ty quản lý quỹ**

Số 15/UBCK-GPHĐQLD

ngày 28 tháng 12 năm 2006

Số 379/QĐ-UBCK

ngày 22 tháng 6 năm 2007

Số 56/UBCK-GPĐC

ngày 7 tháng 12 năm 2009

Số 30/GPĐC-UBCK

ngày 2 tháng 10 năm 2013

Số 10/GPĐC-UBCK

ngày 20 tháng 5 năm 2015

Số 21/GPĐC-UBCK

ngày 1 tháng 9 năm 2015

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Ban Điều hành:  
Hội đồng Quản trị**

Bà Nguyễn Thanh Thảo

Chủ tịch

(từ ngày 20 tháng 5 năm 2015)

Bà Phạm Thị Thanh Nga

Chủ tịch

(đến ngày 20 tháng 5 năm 2015)

Bà Bùi Thị Kim Oanh

Thành viên

(từ ngày 25 tháng 12 năm 2015)

Bà Đinh Thị Hoa

Thành viên

(từ ngày 25 tháng 12 năm 2015)

Ông Lê Văn Thành Long

Thành viên

(đến ngày 25 tháng 12 năm 2015)

Bà Nguyễn Thị Hiền Khanh

Thành viên

(đến ngày 25 tháng 12 năm 2015)

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Vinh Quang

Tổng Giám đốc

(từ ngày 29 tháng 7 năm 2015)

Bà Nguyễn Thị Hồng Mai

Tổng Giám đốc

(đến ngày 28 tháng 7 năm 2015)

**Trụ sở chính hoạt động**

Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long  
63A Võ Văn Tần, Phường 6  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**  
**Báo cáo của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ (“Thông tư 125”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 24 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 125, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Điều hành,

*Bà Nguyễn Thanh Thảo*  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2016

**KPMG Limited**

46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72-Storey Building,  
Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area,  
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600  
Fax +84 (4) 3946 1601  
Internet www.kpmg.com.vn

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2015 được trình bày từ trang 5 đến trang 24.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 2 năm 2015 liên quan đến việc công ty kiểm toán này chưa nhận được thư xác nhận cho các khoản tiền đặt cọc mua cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-078/3



Trần Đình Minh  
Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề  
Kiểm toán số: 0339-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hiếu  
Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề  
Kiểm toán số: 1572-2013-007-1

Hà Nội, ngày 1 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt  
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B01-CTQ

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A</b>	<b>100</b>		<b>25.079.094.948</b>	<b>22.523.580.645</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150)</b>				
<b>I</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>24.795.714.936</b>	<b>328.236.608</b>
	111		295.714.936	328.236.608
	112		24.500.000.000	-
<b>II</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>-</b>	<b>285.082.064</b>
	121		-	330.513.032
	129		-	(45.430.968)
<b>III</b>	<b>130</b>		<b>238.005.012</b>	<b>10.887.000.000</b>
	132		-	300.000.000
	134	6	132.689.684	-
	135	7	105.315.328	10.587.000.000
<b>V</b>	<b>150</b>		<b>45.375.000</b>	<b>11.023.261.973</b>
	151		45.375.000	4.367.310
	154	8	-	13.894.663
	158		-	11.005.000.000
<b>B</b>	<b>200</b>		<b>31.899.161</b>	<b>-</b>
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 260)</b>				
<b>IV</b>	<b>260</b>		<b>31.899.161</b>	<b>-</b>
	261		26.899.161	-
	268		5.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>			<b>25.110.994.109</b>	<b>22.523.580.645</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A</b>	<b>300</b>		<b>47.211.544</b>	<b>75.688.000</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>				
<b>I</b>	<b>310</b>		<b>47.211.544</b>	<b>75.688.000</b>
	312		-	384.000
	314	8	47.211.544	1.418.000
	316		-	16.500.000
	323		-	57.386.000
<b>B</b>	<b>400</b>		<b>25.063.782.565</b>	<b>22.447.892.645</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>				
	411	9	25.000.000.000	25.000.000.000
	420		63.782.565	(2.552.107.355)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>			<b>25.110.994.109</b>	<b>22.523.580.645</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>6 Chứng khoán lưu ký của Công ty quản lý quỹ</b>	<b>006</b>		-	<b>105.610.000</b>
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		-	105.410.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		-	200.000
<b>8 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>030</b>	<b>18(a)</b>	<b>19.964.623.888</b>	-
8.1 Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		19.964.623.888	-
<b>9 Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>040</b>	<b>18(b)</b>	<b>90.004.000.000</b>	-
9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		90.004.000.000	-
<b>11 Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>051</b>	<b>18(c)</b>	<b>980.544.760</b>	-

Ngày 1 tháng 3 năm 2016

Người lập

Bà Vương Thị Thúy Loan  
Kế toán viên

Người kiểm tra

Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng

Người duyệt



Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

Mẫu B02-CTQ

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
1 Doanh thu	01	10	578.794.897	-
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>578.794.897</b>	<b>-</b>
4 Chi phí hoạt động kinh doanh	11	11	986.159.666	131.286.110
<b>5 Lỗ gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>(407.364.769)</b>	<b>(131.286.110)</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	12	676.726.895	110.064.877
7 Chi phí tài chính	22	13	34.272.696	(5.232.948.187)
8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	14	275.107.984	205.665.972
<b>9 (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-25}</b>	<b>30</b>		<b>(40.018.554)</b>	<b>5.006.060.982</b>
10 Thu nhập khác	31	15	2.675.842.080	-
11 Chi phí khác	32		2.100.000	-
<b>12 Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>2.673.742.080</b>	<b>-</b>
<b>13 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>2.633.723.526</b>	<b>5.006.060.982</b>
14 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	-	-
<b>16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>2.633.723.526</b>	<b>5.006.060.982</b>
<b>17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>70</b>	<b>17</b>	<b>1.053</b>	<b>2.002</b>

Ngày 1 tháng 3 năm 2016

Người lập



Bà Vương Thị Thúy Loan  
Kế toán viên

Người kiểm tra



Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng

Người duyệt



Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
 cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03-CTQ

	Mã số	2015 VND	2014 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>2.633.723.526</b>	<b>5.006.060.982</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Các khoản dự phòng	03	(45.430.968)	(10.419.892.784)
Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	46.254.390	5,077.144.397
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(643.277.621)	(264.677)
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>1.991.269.327</b>	<b>(336.952.082)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	21.763.400.762	11.321.945
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	15.014.881	593.500
Biến động chi phí trả trước	12	(67.906.851)	7.361.020
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(60.324.943)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.000.000)	(88.111.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>23.640.453.176</b>	<b>(405.786.617)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(300.000.000)
Tiền thu từ bán chứng khoán nợ và chứng khoán vốn	24	279.240.642	632.932.353
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(327.310.230)
Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	547.784.510	110.064.877
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>827.025.152</b>	<b>115.687.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>24.467.478.328</b>	<b>(290.099.617)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>328.236.608</b>	<b>618.336.225</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>24.795.714.936</b>	<b>328.236.608</b>

Ngày 1 tháng 3 năm 2016

Người lập

Người kiểm tra

Người duyệt






Bà Vương Thị Thúy Loan  
Kế toán viên

Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**  
**Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

Mẫu B05-CTQ

	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm trong năm		Số dư cuối năm	
	1/1/2014	1/1/2015	Tăng	Giảm	31/12/2014	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn cổ phần	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	(7.558.168.337)	(2.552.107.355)	5.006.060.982	- 2.690.109.526	(2.552.107.355)	63.782.565
	<b>17.441.831.663</b>	<b>22.447.892.645</b>	<b>5.006.060.982</b>	<b>- 2.690.109.526</b>	<b>22.447.892.645</b>	<b>25.063.782.565</b>

Ngày 1 tháng 3 năm 2016

Người lập

*Bà Vương Thị Thúy Loan*

Bà Vương Thị Thúy Loan  
 Kế toán viên

Người kiểm tra

*Bà Nguyễn Thị Anh Tú*

Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
 Kế toán trưởng

Người duyệt



Bà Nguyễn Thanh Thảo  
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (“Công ty”), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ ban đầu số 15/UBCK-GPHDKD ngày 28 tháng 12 năm 2006. Giấy phép hoạt động của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015.

Tại ngày 24 tháng 6 năm 2015, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt đã mua 99,2% cổ phần của Công ty và Công ty trở thành công ty con của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt từ ngày này.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là tiến hành các hoạt động lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 9 nhân viên (31/12/2014: 11 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ (“Thông tư 125”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

(b) **Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) **Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) **Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 (“Quyết định 15”) và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 2 năm 2015 và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với vàng tiền tệ: dùng giá mua vàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, hoặc trong trường hợp không có giá mua của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì áp dụng giá mua vàng của đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng và có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán**

**(i) Ghi nhận, phân loại và đo lường**

Công ty ghi nhận chứng khoán vào ngày Công ty chính thức trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng có hiệu lực của các khoản đầu tư (hạch toán vào ngày giao dịch).

Chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào để bán ra trong ngắn hạn kiếm lời được phân loại là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế cộng với các chi phí mua (nguyên giá); sau đó, được ghi nhận theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá (nếu có). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong năm.

(ii) **Dự phòng giảm giá chứng khoán**

Việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 (“Thông tư 89”) và Thông tư số 146/2014/TT/BTC ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 về việc hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ (“Thông tư 146”).

*Dự phòng chứng khoán đầu tư ngắn hạn*

Dự phòng giảm giá chứng khoán được trích lập cho các chứng khoán niêm yết có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Theo Thông tư 146, đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

(d) **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán, Công ty áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(e) **Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(f) **Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(g) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày báo cáo, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(h) Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi có khả năng chắc chắn rằng Công ty sẽ thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu đó có thể được tính toán một cách đáng tin cậy.

**(i) Phí quản lý và tư vấn đầu tư chứng khoán**

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý/tư vấn đầu tư.

**(ii) Thu nhập lãi**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**(iii) Cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 do Bộ Tài Chính ban hành, cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu, các khoản được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận của các công ty cổ phần không được ghi nhận trong báo cáo tài chính mà chỉ được ghi tăng số lượng cổ phiếu của công ty đó do Công ty nắm giữ.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(i) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán như được định nghĩa trong Thông tư 125 được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

**(j) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 125 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**(k) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	-	321.006.385
Tiền gửi ngân hàng	295.714.936	7.230.223
Các khoản tương đương tiền	24.500.000.000	-
	24.795.714.936	328.236.608

**5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	330.513.032
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(45.430.968)
	-	285.082.064

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	45.430.968	10.465.323.752
Dự phòng hoàn nhập trong năm (Thuyết minh 13)	(45.430.968)	(10.419.892.784)
Số dư cuối năm	-	45.430.968

**6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	132.689.684	-

**7. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải thu lãi tiền gửi	100.511.111	-
Phải thu bán cổ phiếu OTC	-	10.587.000.000
Phải thu khác	4.804.217	-
	105.315.328	10.587.000.000

**8. Thuế và các khoản phải nộp/(phải thu) Nhà nước**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Phải thu</b>		
▪ Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(13.894.663)
<b>Phải nộp</b>		
▪ Thuế thu nhập cá nhân	47.211.544	1.418.000

Biến động thuế trong năm như sau:

Năm 2015	Số đầu năm VND	Phải nộp VND	Đã nộp VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.894.663)	74.219.606	(60.324.943)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.418.000	127.527.637	(81.734.093)	47.211.544
	(12.476.663)	201.747.243	(142.059.036)	47.211.544
Năm 2014	Số đầu năm VND	Phải nộp VND	Đã nộp VND	Số cuối năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.894.663)	-	-	(13.894.663)
Thuế thu nhập cá nhân	1.098.500	4.742.138	(4.422.638)	1.418.000
	(12.796.163)	4.742.138	(4.422.638)	(12.476.663)

## 9. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>	2.500.000	25.000.000.000	2.500.000	25.000.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	2.500.000	25.000.000.000	2.500.000	25.000.000.000

Mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty có mệnh giá 10.000 VND và tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được quyền nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Các cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau liên quan đến việc chia tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu Công ty mua lại, toàn bộ các quyền lợi đều bị tạm ngừng cho đến khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

## 10. Doanh thu hoạt động nghiệp vụ

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	578.794.897	-

## 11. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên	676.389.499	130.077.692
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.575.000	-
Thuế, phí và lệ phí	-	1.208.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.011.459	-
Chi phí bằng tiền khác	295.183.708	-
	<b>986.159.666</b>	<b>131.286.110</b>

**12. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Lãi tiền gửi	643.277.621	264.677
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.018.000	109.800.200
Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	28.431.274	-
	<hr/>	<hr/>
	676.726.895	110.064.877

**13. Chi phí tài chính**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 5)	(45.430.968)	(10.419.892.784)
Lỗ từ bán chứng khoán	79.703.664	5.186.944.597
	<hr/>	<hr/>
	34.272.696	(5.232.948.187)

**14. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	228.860.911	128.782.800
Chi phí đồ dùng văn phòng	12.685.839	11.321.945
Thuế, phí và lệ phí	10.736.772	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.394.185	51.646.420
Chi phí khác	17.430.277	10.914.807
	<hr/>	<hr/>
	275.107.984	205.665.972

## 15. Thu nhập khác

Trong năm 2015, Công ty có khoản thu nhập khác là 2.675.842 VND do các cổ đông cũ nộp tiền vào để bù lỗ hoạt động kinh doanh giai đoạn từ khi Công ty thành lập đến ngày chuyển giao cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt theo Hợp đồng mua bán cổ phần giữa các cổ đông cũ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Phúc và Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ký kết vào ngày 6 tháng 8 năm 2014.

## 16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

### (a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	2.633.723.526	5.006.060.982
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	526.744.705	1.001.212.196
Chi phí không được khấu trừ thuế	(462.000)	-
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(1.003.600)	(21.960.040)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(525.279.105)	(979.252.156)
	-	-

(\*) Đây là khoản thu nhập được miễn thuế liên quan đến khoản cổ tức nhận được trị giá 5.018.000 VND (Thuyết minh 12) theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp (2014: 109.800.200 VND).

### (b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	202.454.684	40.490.937	2.833.260.210	566.652.042

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B09-CTQ**

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

<b>Năm hết hiệu lực</b>	<b>Tình hình quyết toán</b>	<b>Số lỗ được khấu trừ 31/12/2015 VND</b>	<b>Số lỗ được khấu trừ 31/12/2014 VND</b>
2017	Đã quyết toán	-	253.682.209
2018	Đã quyết toán	202.454.684	2.579.578.001
		<hr/>	<hr/>
		202.454.684	2.833.260.210

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp bởi vì Công ty không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Thông tư số 141/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp và Luật Thuế Giá trị Gia tăng, doanh nghiệp có tổng doanh thu năm trước liền kề không quá 20 tỷ đồng được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2013. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 2.633.723.526 VND (năm 2014: 5.006.060.982 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 2.500.000 cổ phiếu (năm: 2.500.000 cổ phiếu).

## 18. Báo cáo về hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang quản lý các danh mục đầu tư chứng khoán của bốn nhà đầu tư ủy thác. Theo các hợp đồng quản lý danh mục đầu tư, nhà đầu tư ủy thác cam kết chấp nhận rủi ro đối với vốn ủy thác và chấp nhận rủi ro có khả năng phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư.

Báo cáo tài sản và công nợ của các hợp đồng quản lý danh mục đầu tư được ghi ngoài bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

		31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Tài sản của nhà đầu tư ủy thác</b>			
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	(a)	19.964.623.888	-
Đầu tư ngắn hạn	(b)	90.004.000.000	-
- Cổ phiếu niêm yết		90.004.000.000	-
		109.968.623.888	-
<b>Nợ phải trả nhà đầu tư ủy thác</b>			
Gốc hợp đồng ủy thác đầu tư		100.000.000.000	-
Thay đổi giá trị ủy thác đầu tư		1.809.112.213	-
Lãi ủy thác đầu tư		7.178.966.915	-
Phải trả của nhà đầu tư ủy thác	(c)	980.544.760	-
		109.968.623.888	-
<b>(a) Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác</b>			
		<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Số dư đầu năm		-	-
Số tăng trong năm – thuần		19.964.623.888	-
		19.964.623.888	-
<b>(b) Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác</b>			
		<b>31/12/2015 VND</b>	<b>31/12/2014 VND</b>
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		90.004.000.000	-
- Cổ phiếu niêm yết		90.004.000.000	-
		90.004.000.000	-

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B09-CTQ**

**(c) Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải trả mua chứng khoán	890.000.000	-
Phải trả phí khác	90.544.760	-
	980.544.760	-

**19. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Công ty có các giao dịch và các số dư chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Số dư tại ngày	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt</b>		
Ủy thác danh mục đầu tư	81.903.289.900	-
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	82.652.632	-
	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt</b>		
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	528.757.845	-
<b>Thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc</b>		
Lương và thù lao	397.320.000	129.877.693



20. Các chỉ số

	31/12/2015	31/12/2014
<b>Cơ cấu tài sản</b>		
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	0,13%	-
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	99,87%	100.00%
<b>Tình hình tài chính</b>		
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,19%	0,34%
Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	52.520%	810%
Tài sản cố định/Vốn chủ sở hữu	-	-
<hr/>		
	<b>2015</b>	<b>2014</b>
<b>Lợi nhuận</b>		
Lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	210%	-
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	10,51%	22,30%

Ngày 1 tháng 3 năm 2016

Người lập

Người kiểm tra

Người duyệt





Bà Vương Thị Thúy Loan  
Kế toán viên

Bà Nguyễn Thị Anh Tú  
Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thanh Thảo  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị